

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HÀ NỘI

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397 ; Khoản 1, Khoản 2 Điều 212 ; Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự ; Điều 55; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 708/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026, về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, giữa:

Người yêu cầu:

- Anh **Trịnh Minh T**, sinh năm 1989;

Đăng ký HKTT: Phòng 505 Chung cư 170 La T, phường Ô Chợ D, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Phòng 904, chung cư N05, Khu 5.3 ha, phường Cầu G, thành phố Hà Nội.

- Chị **Trương Lan H**, sinh năm 1991; Phòng 505 Chung cư 170 La T, phường Ô Chợ D, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Phòng 904, chung cư N05, Khu 5.3 ha, phường Cầu G, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Minh T và chị Trương Lan H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 07/02/2015, Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Ô Chợ Dừa - Đống Đa, thành phố Hà Nội (nay là phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội).

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải, đã nhiều lần nói chuyện với nhau để hàn gắn hạnh phúc gia

đình nhưng không có kết quả. Nay anh Trịnh Minh T và chị Trương Lan H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh Trịnh Minh T và chị Trương Lan H có một con chung là cháu Trịnh Tú L (giới tính: nữ), sinh ngày 29/12/2018. Ngoài ra chúng tôi không có con riêng, con nuôi nào khác. Ly hôn hai bên thống nhất giao con chung cho chị Trương Lan H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trịnh Minh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là: 6.000.000 (sáu triệu) đồng/ tháng, kể từ tháng 6/2026 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí ly hôn và dân sự sơ thẩm: Anh Trịnh Minh T tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*).

Xét thấy: Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22/5/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH :

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau;

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Minh T và chị Trương Lan H thuận tình ly hôn;

1.2. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh Trịnh Minh T và chị Trương Lan H có một con chung là cháu Trịnh Tú L (giới tính: nữ), sinh ngày 29/12/2018. Ngoài ra anh chị không có con riêng, con nuôi nào khác. Ly hôn giao con chung cho chị Trương Lan H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trịnh Minh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền: 6.000.000 (Sáu triệu) đồng/ tháng, kể từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi cháu Trịnh Tú L trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Trịnh Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung

không ai được ngăn cấm, cản trở.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trịnh Minh T và chị Trương Lan H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn và dân sự sơ thẩm: Anh Trịnh Minh T tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí ly hôn và dân sự sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận anh Tiến đã nộp 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí sơ thẩm tại Thi hành án Dân sự thành phố Hà Nội (*Biên lai số 0011947 ngày 19/5/2026*). Anh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4 – Hà Nội;
- THADS thành phố – Hà Nội;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Vân Anh

